



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 6**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400135552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034287 cấp lần đầu ngày 03 tháng 1 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 12 tháng 5 năm 2017.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Nhà TM, khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024.22253666
- Fax : 024.22253666

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 6.01	Xã Khoen On, huyện Thanh Uyên, tỉnh Lai Châu
Chi nhánh Sông Đà 6.03	Thị trấn Thanh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Sông Đà 6.04	Thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu
Chi nhánh Sông Đà 6.05	Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Sông Đà 6.06	Xã Thống Nhất, huyện Hoà Bình, tỉnh Quảng Ninh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, buro điện, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến thế điện;
- Sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, đường ống cấp thoát nước;
- Sản xuất kinh doanh xi măng;
- Vận tải;
- Bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng;
- Xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thiết bị cơ khí, cơ giới và công nghệ xây dựng;
- Sản xuất điện;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa./.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
Ông Đặng Quốc Bảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm 05 tháng 5 năm 2017
Ông Hồ Sỹ Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm 15 tháng 5 năm 2012
Ông Bùi Đình Đông	Thành viên	Bổ nhiệm 18 tháng 4 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 28 tháng 05 năm 2019
Ông Đào Xuân Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm 24 tháng 03 năm 2011
Ông Nguyễn Sinh Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm 10 tháng 05 năm 2018
Ông Thái Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm 28 tháng 05 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đình Tứ	Trưởng ban	Bổ nhiệm 12 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Anh Đào	Thành viên	Bổ nhiệm 17 tháng 4 năm 2013
Ông Ninh Văn Khương	Thành viên	Bổ nhiệm 05 tháng 5 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đào Xuân Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 05 tháng 5 năm 2017
Ông Lê Tiến Thủ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 14 tháng 10 năm 2014
Ông Hà Quốc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 05 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 05 tháng 5 năm 2017
Ông Vũ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đào Xuân Tuấn – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc.



Đào Xuân Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2019

Số: 2.0497/19/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2019, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 6 tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 10 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, trong đó đề cập đến việc Công ty trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định theo kế hoạch được duyệt và phản ánh ở khoản mục “Dự phòng phải trả”. Chi phí sửa chữa thực tế phát sinh được phản ánh vào khoản mục “chi phí xây dựng cơ bản dở dang”. Khi quyết toán chi phí sửa chữa, giá trị quyết toán được bù trừ giữa hai khoản mục này. Cách hạch toán như vậy có sự khác biệt với qui định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư

Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.235.614.059.251	1.176.776.685.303
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.981.674.275	17.731.966.118
1. Tiền	111		45.981.674.275	17.731.966.118
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		557.251.013.058	551.273.470.681
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	521.225.356.715	535.829.077.783
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	28.347.880.708	41.801.342.315
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	43.373.372.155	9.266.647.103
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(35.695.596.520)	(35.623.596.520)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		627.344.590.823	602.921.313.479
1. Hàng tồn kho	141	V.7	627.344.590.823	602.921.313.479
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.036.781.095	4.849.935.025
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.036.781.095	4.849.935.025
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		275.706.212.562	315.152.348.081
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		165.917.507.013	199.306.350.618
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	165.917.507.013	199.306.350.618
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		75.200.855.058	85.936.434.651
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	75.200.855.058	85.936.434.651
<i>Nguyên giá</i>	222		438.270.893.105	438.318.893.105
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(363.070.038.047)	(352.382.458.454)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.072.354.769	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	2.072.354.769	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.930.656.194	1.835.656.194
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	3.602.000.000	3.602.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(1.671.343.806)	(1.766.343.806)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		30.584.839.528	28.073.906.618
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	30.584.839.528	28.073.906.618
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.511.320.271.813	1.491.929.033.384

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.043.538.934.987	1.027.043.760.692
I. Nợ ngắn hạn	310		1.040.717.434.987	1.023.354.260.692
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	182.906.617.261	185.364.349.394
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	158.832.513.765	102.065.018.219
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	19.322.279.545	16.800.994.444
4. Phải trả người lao động	314		36.546.663.467	55.041.638.456
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	6.539.074.744	6.474.037.675
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	125.517.045.138	119.751.061.020
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	498.804.635.775	534.759.299.329
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		8.049.584.078	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	4.199.021.214	3.097.862.155
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.821.500.000	3.689.500.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	2.821.500.000	3.689.500.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		467.781.336.826	464.885.272.692
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	467.781.336.826	464.885.272.692
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		347.716.110.000	347.716.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		347.716.110.000	347.716.110.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.336.985.455	31.336.985.455
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.802.853.978	76.802.853.978
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.925.387.393	9.029.323.259
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.954.322.200	9.029.323.259
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.971.065.193	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.511.320.271.813	1.491.929.033.384

Lập, ngày 13 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Phó Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thảo

Trần Ngọc Ánh

Đào Xuân Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	382.841.142.820	332.285.957.240
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.250.206.133	21.962.050.747
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		379.590.936.687	310.323.906.493
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	321.029.950.785	246.847.516.639
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.560.985.902	63.476.389.854
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	14.846.551	62.116.734
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	21.824.459.150	20.523.046.135
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.581.605.465	19.837.296.706
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	30.688.128.493	32.737.388.230
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.063.244.810	10.278.072.223
11. Thu nhập khác	31	VI.7	974.893.469	1.011.091.366
12. Chi phí khác	32	VI.8	824.306.788	736.912.446
13. Lợi nhuận khác	40		150.586.681	274.178.920
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.213.831.491	10.552.251.143
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.242.766.298	2.081.165.531
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4.971.065.193</u>	<u>8.471.085.612</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>143</u>	<u>244</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>143</u>	<u>244</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thảo

Phó Kế toán trưởng

Trần Ngọc Ánh

Lập, ngày 13 tháng 08 năm 2019

Tổng Giám đốc



Đào Xuân Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.213.831.491	10.552.251.143
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	10.735.579.593	12.682.182.030
- Các khoản dự phòng	03	VI.5; 6	(23.000.000)	10.096.980.134
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.346.551)	(724.258.553)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	19.581.605.465	19.837.296.706
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		36.492.669.998	52.444.451.460
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		27.152.455.158	114.314.964.582
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(24.423.277.344)	(85.903.537.426)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		51.051.169.396	(23.532.953.105)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.510.932.910)	(3.332.682.383)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.581.605.465)	(19.461.144.184)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(2.149.611.673)	(5.493.150.195)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(973.842.000)	(1.890.129.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		65.057.025.160	27.145.819.749
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(2.569.294.031)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		500.000	662.141.819
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	465.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.846.551	37.116.734
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.346.551	(1.405.035.478)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	393.492.797.602	408.352.353.344
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(430.315.461.156)	(438.714.060.425)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(103.136.250)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(36.822.663.554)</u>	<u>(30.464.843.331)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		28.249.708.157	(4.724.059.060)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	17.731.966.118	28.882.887.093
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>45.981.674.275</u>	<u>24.158.828.033</u>

Lập, ngày 13 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Phó Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thảo

Trần Ngọc Ánh

Đào Xuân Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng công trình, sản xuất kinh doanh vật tư.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, buro điện, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến thế điện; sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, đường ống cấp thoát nước; xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thiết bị cơ khí, cơ giới và công nghệ xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.698 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.579 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư góp vốn vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác, được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất kinh doanh} \\ \text{dở dang cuối kỳ của từng công} \\ \text{trình/hạng mục công trình} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng dở dang} \\ \text{cuối kỳ của công trình/} \\ \text{hạng mục công trình} \end{array} \times (1 - \text{Tỷ lệ lãi định mức})$$

Trong đó: Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ được xác định trên cơ sở khối lượng dở dang cuối kỳ theo kết quả kiểm kê.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Công ty thực hiện việc trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định vào chi phí trong kỳ dựa trên kế hoạch sửa chữa được Hội đồng quản trị phê duyệt và điều chỉnh vào cuối năm trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí sửa chữa đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được phản ánh vào khoản mục “chi phí xây dựng cơ bản dở dang”. Khi quyết toán chi phí sửa chữa, giá trị quyết toán sẽ được bù trừ giữa hai khoản mục “chi phí xây dựng cơ bản dở dang” và “Dự phòng phải trả”.

Việc hạch toán trích trước chi phí sửa chữa tài sản như trên có sự khác biệt với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”. Nếu Công ty áp dụng việc ghi nhận chi phí sửa chữa tài sản cố định theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 thì giá vốn hàng bán và lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 2.072.354.769 VND.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

15. Các khoản giảm trừ

Các khoản giảm trừ doanh thu của Công ty là giá trị khối lượng xây lắp bị cắt giảm khi quyết toán công trình được phê duyệt, được ghi nhận khi phát sinh giá trị bị cắt giảm.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật và trong một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	967.524.282	3.375.168.748
Tiền gửi ngân hàng	45.014.149.993	14.356.797.370
Cộng	<u>45.981.674.275</u>	<u>17.731.966.118</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	500.000.000	(205.000.000)	295.000.000	500.000.000	(300.000.000)	200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	3.000.000.000	(1.466.343.806)		3.000.000.000	(1.466.343.806)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn	102.000.000			102.000.000		
Cộng	<u>3.602.000.000</u>	<u>(1.671.343.806)</u>		<u>3.602.000.000</u>	<u>(1.766.343.806)</u>	

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(1.766.343.806)	(1.938.152.306)
Hoàn nhập dự phòng	95.000.000	45.000.000
Số cuối kỳ	<u>(1.671.343.806)</u>	<u>(1.893.152.306)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	252.345.096.753	269.068.485.819
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	235.492.984.404	252.035.092.416
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	15.465.969.064	15.591.471.630
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (*)		32.433.208
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.280.838.395	1.280.838.395
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	105.304.890	128.650.170
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	268.880.259.962	266.760.591.964
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Á	107.308.765.707	91.301.355.525
Công ty TNHH Thanh Bình	23.389.357.841	30.609.258.913
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Long	13.827.540.000	27.206.662.555
Công ty Cổ phần Long Việt	1.677.842.211	2.009.040.180
Các khách hàng khác	122.676.754.203	115.634.274.791
Cộng	521.225.356.715	535.829.077.783

(*) Công ty đã bù trừ công nợ phải thu Chi nhánh 901 với công nợ phải trả Văn phòng Công ty Cổ phần Sông Đà 9, số tiền 499.608.792 VND.

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	80.073.319.698	103.864.345.179
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	80.073.319.698	103.864.345.179
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	85.844.187.315	95.442.005.439
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Á	16.631.705.887	15.578.684.299
Công ty TNHH Thanh Bình	1.555.633.150	24.271.036.078
Công ty Cổ phần Long Việt	25.121.074.872	25.121.074.872
Các khách hàng khác	42.535.773.406	30.471.210.190
Cộng	165.917.507.013	199.306.350.618

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	32.406.256	108.643.256
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	32.406.256	32.406.256
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin		76.237.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	28.315.474.452	41.692.699.059
Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Phát Linh	3.084.362.867	7.839.252.281
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Lai Châu	19.294.728.610	22.000.000.000
Công ty Cổ phần THT Hoàng Long		10.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	5.936.382.975	1.853.446.778
Cộng	28.347.880.708	41.801.342.315

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.629.780.001	1.879.634.606
Tổng công ty sông Đà - CTCP	597.380.000	597.380.000
Ông Hồ Sỹ Hùng	1.032.400.001	1.032.400.001
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long		249.854.605
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	41.743.592.154	7.387.012.497
Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Ma	19.690.444.443	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông á	6.709.744.852	
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	249.854.605	
Tạm ứng	4.448.381.130	5.000.246.635
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	453.160.622	251.860.622
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	10.192.006.502	2.134.905.240
Cộng	<u>41.493.737.549</u>	<u>7.387.012.497</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
<i>Các bên liên quan</i>		32.395.065.507	(32.395.065.507)		32.395.065.507	(32.395.065.507)
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	> 3 năm	32.395.065.507	(32.395.065.507)	> 3 năm	32.395.065.507	(32.395.065.507)
<i>Các tổ chức khác</i>		3.300.531.013	(3.300.531.013)		3.228.531.013	(3.228.531.013)
Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn	> 3 năm	1.721.596.590	(1.721.596.590)	> 3 năm	1.721.596.590	(1.721.596.590)
Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp HC - Thiên Phúc	> 3 năm	72.000.000	(72.000.000)			
Công ty Cổ phần Sông Đà 19	> 3 năm	420.905.423	(420.905.423)	> 3 năm	420.905.423	(420.905.423)
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	> 3 năm	1.086.029.000	(1.086.029.000)	> 3 năm	1.086.029.000	(1.086.029.000)
Cộng		<u>35.695.596.520</u>	<u>(35.695.596.520)</u>		<u>35.623.596.520</u>	<u>(35.623.596.520)</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(35.623.596.520)	(35.915.571.051)
Trích lập dự phòng bổ sung	(72.000.000)	
Hoàn nhập dự phòng		15.735.450
Số cuối kỳ	<u>(35.695.596.520)</u>	<u>(35.899.835.601)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	44.863.272.334		34.895.996.521	
Công cụ, dụng cụ	3.213.292.221		1.269.941.367	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	577.497.173.010		564.873.751.580	
Công trình Thủy điện Xekaman - Xan xay	166.347.270.953		169.504.831.241	
Công trình Thủy điện Huội Quảng	85.344.153.635		84.130.141.536	
Công trình Thủy điện Đồng Nai 5	69.523.637.787		69.466.668.401	
Các công trình khác	256.282.110.635		241.772.110.402	
Thành phẩm	1.770.853.258		1.881.624.011	
Cộng	627.344.590.823		602.921.313.479	

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	19.292.803.248	318.080.324.928	100.567.717.839	378.047.090	438.318.893.105
Thanh lý, nhượng bán		(48.000.000)			(48.000.000)
Số cuối kỳ	19.292.803.248	318.032.324.928	100.567.717.839	378.047.090	438.270.893.105

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		143.192.068.145	67.498.034.493	378.047.090	211.068.149.728
Chờ thanh lý					

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	4.643.532.559	264.291.649.510	83.082.701.531	364.574.854	352.382.458.454
Khấu hao trong năm	257.237.376	8.139.041.610	2.325.828.371	13.472.236	10.735.579.593
Thanh lý, nhượng bán		(48.000.000)			(48.000.000)
Số cuối kỳ	4.900.769.935	272.382.691.120	85.408.529.902	378.047.090	363.070.038.047

Giá trị còn lại

Số đầu năm	14.649.270.689	53.788.675.418	17.485.016.308	13.472.236	85.936.434.651
Số cuối kỳ	14.392.033.313	45.649.633.808	15.159.187.937		75.200.855.058

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 69.729.427.384 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Sửa chữa lớn tài sản cố định		2.072.354.769	2.072.354.769
Cộng		2.072.354.769	2.072.354.769

10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ hành chính	985.402.514	1.343.049.595
Công cụ, dụng cụ sản xuất	19.838.110.383	21.002.751.146
Chi phí di chuyển máy móc thiết bị và lực lượng thi công	6.032.505.826	2.852.207.035
Phí bảo hiểm xe máy, thiết bị	321.693.526	343.746.163
Chi phí sửa chữa tài sản	359.306.816	780.512.405
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.047.820.463	1.751.640.274
Cộng	30.584.839.528	28.073.906.618

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>24.445.472.138</i>	<i>24.048.617.796</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	12.725.450.478	13.025.450.478
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	10.630.185.427	9.831.823.661
Công ty Cổ phần Sông Đà 12		4.523.825
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.073.253.188	1.084.097.981
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	16.583.045	16.583.045
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long		86.138.806
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>158.461.145.123</i>	<i>161.315.731.598</i>
Công ty TNHH MTV Thanh Lâm Tây Bắc	19.700.662.733	20.635.966.753
Công ty Cổ phần Thép Đất Việt	13.239.006.440	13.239.006.440
Công ty TNHH MTV Thái Hưng	8.190.860.990	13.101.936.950
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Minh Tú	10.216.106.240	
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	86.138.806	
Phải trả các nhà cung cấp khác	107.028.369.914	114.338.821.455
Cộng	182.906.617.261	185.364.349.394

12. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>18.962.010.506</i>	
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	18.962.010.506	
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>139.870.503.259</i>	<i>102.065.018.219</i>
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải và Tư vấn Đông Nam á	30.305.113.773	47.464.720.973
Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Ma	72.552.000.000	43.486.126.264
Công ty Cổ phần Năng Lượng Agrita Quảng Nam	27.787.832.637	
Công ty TNHH Thanh Bình	8.598.552.100	6.410.044.100
Các khách hàng khác	627.004.749	4.704.126.882
Cộng	158.832.513.765	102.065.018.219

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	13.365.130.863	4.636.806.965	(1.180.785.747)	16.821.152.081
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.655.583.716	1.242.766.298	(2.149.611.673)	1.748.738.341
Thuế thu nhập cá nhân	526.919.065	158.525.358	(186.416.100)	499.028.323
Thuế tài nguyên	201.537.000			201.537.000
Các loại thuế khác		6.000.000	(6.000.000)	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	51.823.800			51.823.800
Cộng	16.800.994.444	6.044.098.621	(3.522.813.520)	19.322.279.545

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.213.831.491	10.552.251.143
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		593.979.382
- Các khoản điều chỉnh tăng		593.979.382
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	6.213.831.491	11.146.230.525
Thu nhập tính thuế	6.213.831.491	11.146.230.525
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.242.766.298	2.229.246.105
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		(148.080.574)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.242.766.298	2.229.246.105

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí lãi vay	387.135.229	
Trích trước chi phí xây dựng trả cho nhà thầu phụ	4.856.350.425	4.856.350.425
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.295.589.090	1.617.687.250
Cộng	6.539.074.744	6.474.037.675

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>280.374.096</i>	<i>1.641.287.480</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (chi nhánh 4.09)		68.968.481
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (chi nhánh 9.08)	72.975.480	21.993.400
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1 (chi nhánh Tây Nguyên)	30.659.300	30.659.300
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long (chi nhánh 11.2)		1.319.581.703
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (chi nhánh 2.08)	106.514.328	106.514.328
Công ty TNHH Điện Xekaman 3		23.345.280
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	70.224.988	70.224.988
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>125.236.671.042</i>	<i>118.109.773.540</i>
Kinh phí công đoàn	1.919.711.888	2.095.884.360
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	5.115.669.932	7.635.678.395
Cổ tức phải trả	87.265.938.570	86.970.843.159
Quỹ Sông Đà	3.270.180.867	3.730.400.505
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long (chi nhánh 11.2)	1.319.581.703	
Các khoản phải trả khác	26.345.588.082	17.676.967.121
Cộng	125.517.045.138	119.751.061.020

16. Vay ngắn hạn/dài hạn

16a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	496.681.135.775	532.497.299.329
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành ⁽ⁱ⁾	224.262.837.501	221.266.424.715
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱⁱ⁾	176.804.301.606	176.329.237.894
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	93.637.713.694	129.701.636.720
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Lào Cai ^(iv)	1.976.282.974	5.200.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	2.123.500.000	2.262.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	545.500.000	484.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	1.578.000.000	1.778.000.000
Cộng	498.804.635.775	534.759.299.329

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản thuộc sở hữu của Công ty .
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản thuộc sở hữu của Công ty .
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thuộc sở hữu của Công ty .
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - chi nhánh Lào Cai để bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công bê tông thuộc dự án công trình thủy điện Pắc Ma với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ hợp đồng thi công xây dựng công trình thủy điện Pắc Ma giữa Công ty và Công ty Cổ phần thủy điện Pắc Ma.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	532.497.299.329	2.262.000.000	534.759.299.329
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	393.492.797.602		393.492.797.602
Kết chuyển từ vay dài hạn		868.000.000	868.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(429.308.961.156)	(1.006.500.000)	(430.315.461.156)
Số cuối kỳ	<u>496.681.135.775</u>	<u>2.123.500.000</u>	<u>498.804.635.775</u>

16b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành ^(v)	60.000.000	279.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội ^(vi)	2.761.500.000	3.410.500.000
Cộng	<u>2.821.500.000</u>	<u>3.689.500.000</u>

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để đầu tư tài sản cố định với lãi suất theo từng lần nhận nợ thời hạn vay 36 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay .
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây để đầu tư tài sản cố định với lãi suất, thời hạn theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.123.500.000	2.262.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	2.821.500.000	3.689.500.000
Cộng	<u>4.945.000.000</u>	<u>5.951.500.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	3.097.862.155	3.536.285.576
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.075.001.059	2.209.951.579
Chi quỹ	(973.842.000)	(2.648.375.000)
Số cuối năm	<u>4.199.021.214</u>	<u>3.097.862.155</u>

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Số đầu năm trước	347.716.110.000	31.336.985.455	75.329.552.925	30.960.135.359	485.342.783.739
Lợi nhuận trong kỳ trước				8.471.085.612	8.471.085.612
Trích lập các quỹ			1.473.301.053	(3.683.252.632)	(2.209.951.579)
Chia cổ tức				(27.817.288.800)	(27.817.288.800)
Số dư cuối kỳ trước	<u>347.716.110.000</u>	<u>31.336.985.455</u>	<u>76.802.853.978</u>	<u>7.930.679.539</u>	<u>463.786.628.972</u>
Số đầu năm nay	347.716.110.000	31.336.985.455	76.802.853.978	9.029.323.259	464.885.272.692
Lợi nhuận trong kỳ này				4.971.065.193	4.971.065.193
Trích lập các quỹ				(2.075.001.059)	(2.075.001.059)
Số dư cuối kỳ này	<u>347.716.110.000</u>	<u>31.336.985.455</u>	<u>76.802.853.978</u>	<u>11.925.387.393</u>	<u>467.781.336.826</u>

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Sông Đà	226.015.400.000	226.015.400.000
Cổ đông khác	121.700.710.000	121.700.710.000
Cộng	<u>347.716.110.000</u>	<u>347.716.110.000</u>

18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.771.611	34.771.611
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	34.771.611	34.771.611
- Cổ phiếu phổ thông	34.771.611	34.771.611
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.771.611	34.771.611
- Cổ phiếu phổ thông	34.771.611	34.771.611

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28 tháng 5 năm 2019: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 2.075.001.059 VND

18e. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 258,2 USD (số đầu năm là 264,8 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán vật tư	15.300.974.081	5.502.445.222
Doanh thu bán thành phẩm	43.684.492.219	47.086.011.367
Doanh thu hợp đồng xây dựng	319.446.848.527	278.837.034.998
Doanh thu khác	4.408.827.993	860.465.653
Cộng	382.841.142.820	332.285.957.240

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Tổng công ty Sông Đà - CTCP</i>		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.864.427.714	30.245.349.404

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giảm trừ giá trị công trình khi quyết toán	3.250.206.133	21.962.050.747
Cộng	3.250.206.133	21.962.050.747

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của vật tư đã bán	12.469.328.760	5.254.642.078
Giá vốn của thành phẩm đã bán	37.562.178.586	42.809.344.112
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	270.648.439.652	197.554.189.774
Giá vốn khác	350.003.787	1.229.340.675
Cộng	321.029.950.785	246.847.516.639

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	14.846.551	37.116.734
Doanh thu hoạt động tài chính khác		25.000.000
Cộng	14.846.551	62.116.734

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.581.605.465	19.837.296.706
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(95.000.000)	(45.000.000)
Chi phí tài chính khác	2.337.853.685	730.749.429
Cộng	21.824.459.150	20.523.046.135

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	23.055.423.877	24.074.143.307
Chi phí vật liệu quản lý	915.219.381	1.154.879.765
Chi phí đồ dùng văn phòng	821.723.467	687.858.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	528.190.122	597.174.657
Thuế, phí và lệ phí	57.594.909	60.040.454
Dự phòng phải thu khó đòi	72.000.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.713.152.975	2.421.834.122
Các chi phí khác	3.524.823.762	3.741.457.126
Cộng	30.688.128.493	32.737.388.230

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	500.000	662.141.819
Xử lý công nợ	586.594.873	
Thanh lý vật tư	61.390.909	
Thu nhập khác	326.407.687	348.949.547
Cộng	974.893.469	1.011.091.366

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	212.647.205	593.979.382
Chi phí khác	611.659.583	142.933.064
Cộng	824.306.788	736.912.446

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.971.065.193	8.471.085.612
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.971.065.193	8.471.085.612
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	34.771.611	34.771.611
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	143	244

9b. Thông tin khác

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được sử dụng để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho 6 tháng đầu năm thì lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	178.347.711.730	169.316.397.873
Chi phí nhân công	103.979.375.073	102.871.073.876
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.735.579.593	12.682.182.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.921.924.021	46.829.063.835
Chi phí khác	16.803.100.362	33.135.451.856
Cộng	367.787.690.779	364.834.169.470

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là 1.221.347.000 VND (cùng kỳ năm trước là 1.510.101.987 VND)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
---------------------------	--------------------

Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty mẹ
-----------------------------	------------

Các công ty con và công ty liên kết của	
---	--

Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
-----------------------------	-----------------------

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty chỉ phát sinh giao dịch về cổ tức công bố với Tổng công ty Sông Đà – CTCP năm trước là 18.081.237.720 VND.

Công nợ các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.11, V.12 và V.15.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thảo

Phó Kế toán trưởng

Trần Ngọc Ánh



Tổng Giám đốc

Đào Xuân Tuấn

